



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019



Thành viên hãng AGN International  
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International  
Audit | Tax | Advisory

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 34



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Vạn Tuấn Anh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019)
Ông Võ Thanh Tuấn	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019)
Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên
Ông Trần Văn Thái	Thành viên
Ông Lê Thanh Vân	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Quách Kim Long	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thanh Vi	Thành viên
Bà Phan Thị Ngọc Lan Thanh	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Chí Thành	Giám đốc
Ông Trần Văn Thái	Phó Giám đốc
Ông Lê Thanh Vân	Phó Giám đốc
Ông Huỳnh Văn An	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2019)

#### **Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Chí Thành - Giám đốc.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC** (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Nguyễn Chí Thành**  
Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2020



Số: 1015/2020/BCKT-ICPA.SG

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2020, từ trang 5 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

### *Vấn đề cần nhấn mạnh*

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh VI.3 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính thể hiện rằng doanh thu hoạt động tài chính của Công ty bao gồm số lợi nhuận dự tính được chia từ Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty TNHH Liên doanh Antraco với số tiền là 16.264.120.697 đồng. Chênh lệch giữa số liệu dự tính và lợi nhuận được chia chính thức sẽ được điều chỉnh trong Báo cáo tài chính riêng năm tiếp theo.

Ngoài ra, chúng tôi cũng muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.3 trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó mô tả sự không chắc chắn liên quan đến kết quả của việc Công ty bị truy thu phần thu nhập từ việc sử dụng đất sai mục đích trong và sau quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước giai đoạn 2011-2017 theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước khu vực IX tại công văn số 07/KV IX-TH ngày 1 tháng 3 năm 2019. Hiện tại, Công ty đang trong quá trình giải trình với Sở Tài Chính, Sở Tài nguyên Môi trường và UBND Tỉnh An Giang về cơ sở tính số tiền truy thu trị giá 483.727.404 đồng và chưa có quyết định chính thức về việc này. Ban Giám Đốc Công ty cam kết sẽ trình Đại Hội Cổ Đông trong cuộc họp sắp tới về việc sử dụng nguồn lợi nhuận chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán để bù trừ cho khoản tổn thất (nếu có) trong tương lai để không bị ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh nêu trên.



**Lương Xuân Trường**  
Giám đốc Chi nhánh  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1741-2018-072-1



**Phạm Thị Toan**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2767-2019-072-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Chi nhánh Sài Gòn**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2020



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>106.652.284.810</b>	<b>127.131.945.061</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>7.434.829.590</b>	<b>7.260.598.192</b>
1. Tiền	111	V.1	7.434.829.590	7.260.598.192
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>83.559.112.409</b>	<b>94.634.086.038</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	62.706.955.218	66.744.428.211
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	344.500.000	955.109.924
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4a	300.000.000	800.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	22.294.443.800	28.089.607.338
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(2.086.786.609)	(1.955.059.435)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>15.608.165.003</b>	<b>25.237.260.831</b>
1. Hàng tồn kho	141		16.940.674.630	26.201.335.402
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.332.509.627)	(964.074.571)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>50.177.808</b>	<b>-</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8a	50.177.808	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>72.456.993.950</b>	<b>49.127.908.231</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4b	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>15.212.040.032</b>	<b>17.044.550.864</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	15.212.040.032	17.044.550.864
- Nguyên giá	222		34.699.908.913	34.517.172.437
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.487.868.881)	(17.472.621.573)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		65.000.000	65.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(65.000.000)	(65.000.000)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>29.588.969.780</b>	<b>3.454.703.864</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	29.588.969.780	3.454.703.864
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.12</b>	<b>21.792.642.400</b>	<b>22.541.072.416</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	14.584.859.059	14.584.859.059
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	7.956.213.357	7.956.213.357
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.12	(748.430.016)	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.863.341.738</b>	<b>4.087.581.087</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	3.211.976.654	3.632.991.485
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	651.365.084	454.589.602
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>179.109.278.760</b>	<b>176.259.853.292</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN** (tiếp theo)  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>97.055.903.085</b>	<b>102.577.747.579</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>96.965.903.085</b>	<b>100.063.826.179</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	11.070.405.492	17.202.960.207
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	34.097.127.600	10.715.616.331
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8b	1.193.148.690	1.079.614.496
4. Phải trả người lao động	314		1.076.853.625	60.793.190
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	9.885.850.850	11.011.628.451
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	7.594.892.671	8.305.469.671
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	28.952.149.877	48.013.115.890
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.095.474.280	3.674.627.943
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>90.000.000</b>	<b>2.513.921.400</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	90.000.000	2.513.921.400
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>82.053.375.675</b>	<b>73.682.105.713</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>81.964.836.772</b>	<b>73.668.366.810</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.864.040.000	32.864.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.864.040.000	32.864.040.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.344.831.574	13.003.894.609
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.345.401.587	3.345.401.587
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30.410.563.611	24.455.030.614
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		17.882.222.614	13.649.923.958
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		12.528.340.997	10.805.106.656
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>88.538.903</b>	<b>13.738.903</b>
1. Nguồn kinh phí	431		88.538.903	13.738.903
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>179.109.278.760</b>	<b>176.259.853.292</b>



Phan Thị Tuyết Vân  
Người lập biểu



Phan Thị Tuyết Vân  
Trưởng phòng TCKT



Nguyễn Chí Thành  
Giám đốc

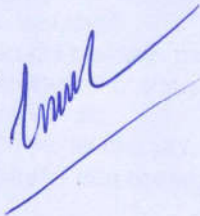
Ngày 27 tháng 3 năm 2020



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2019	2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		109.095.573.940	169.306.145.342
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		22.500.000	-
3. <b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>VI.1</b>	<b>109.073.073.940</b>	<b>169.306.145.342</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	88.424.567.289	149.960.334.385
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>20.648.506.651</b>	<b>19.345.810.957</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	17.097.935.490	19.925.028.883
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.859.278.002	1.933.317.823
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.106.597.466	1.927.852.757
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.035.846.297	4.394.871.914
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	15.094.727.715	16.328.811.430
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]</b>	<b>30</b>		<b>17.756.590.127</b>	<b>16.613.838.673</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7	229.323.987	234.842.410
12. Chi phí khác	32	VI.8	92.481.301	11.237.973
13. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>136.842.686</b>	<b>223.604.437</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>17.893.432.813</b>	<b>16.837.443.110</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	579.993.368	207.253.243
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.14	(196.775.482)	(454.589.602)
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>17.510.214.927</b>	<b>17.084.779.469</b>



Phan Thị Tuyết Vân  
Người lập biểu



Phan Thị Tuyết Vân  
Trưởng phòng TCKT



Nguyễn Chí Thành  
Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2020



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	2019	2018
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17.893.432.813	16.837.443.110
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.015.247.308	1.675.533.642
Các khoản dự phòng	03	1.248.592.246	1.309.437.993
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(5.900.089)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(17.090.511.714)	(19.886.179.833)
Chi phí lãi vay	06	2.106.597.466	1.927.852.757
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.173.358.119	1.858.187.580
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	4.148.728.228	(33.217.611.213)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	9.260.660.772	(12.336.993.138)
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	13.745.535.057	22.562.352.695
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	421.014.831	(3.208.693.103)
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.106.597.466)	(1.927.852.757)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(207.253.243)	(148.093.020)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	74.800.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.220.090.628)	(2.547.064.161)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>28.290.155.670</b>	<b>(28.965.767.117)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(26.317.002.392)	(7.531.097.227)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(1.200.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	500.000.000	2.300.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23.334.852.133	15.397.749.773
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.482.150.259)</b>	<b>8.966.652.546</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	50.933.672.570	95.740.437.605
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(69.994.638.583)	(62.727.321.715)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.572.808.000)	(8.216.010.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(25.633.774.013)</b>	<b>24.797.105.890</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b> <b>(50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>174.231.398</b>	<b>4.797.991.319</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>7.260.598.192</b>	<b>2.456.706.784</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	5.900.089
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>7.434.829.590</b>	<b>7.260.598.192</b>



Phan Thị Tuyết Vân  
Người lập biểu  
Ngày 27 tháng 3 năm 2020



Phan Thị Tuyết Vân  
Trưởng phòng TCKT

Nguyễn Chí Thành  
Giám đốc



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600111049 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 7 tháng 12 năm 2007 và qua các lần thay đổi.

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Cơ khí An Giang theo nghị định số 187/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16 tháng 11 năm 2004.

Vốn điều lệ của Công ty là 32.864.040.000 VND, được chia thành 3.286.404 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 151 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 171).

**Ngành nghề kinh doanh chính và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là xây dựng cầu các loại, sản xuất máy gặt lúa các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt lúa; sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; đúc sắt thép và các ngành nghề khác theo hồ sơ đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là xây dựng cầu các loại, sản xuất máy gặt lúa các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt lúa.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào hai (02) công ty con và một (01) công ty liên doanh. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
<b>Công ty con</b>				
1. Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang	Tỉnh An Giang	100%	100%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
2. Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	Tỉnh An Giang	100%	100%	Sản xuất các cấu kiện kim loại
<b>Công ty liên doanh</b>				
1. Công ty TNHH Liên doanh Antraco	Tỉnh An Giang	49%	50%	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT** (tiếp theo)**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 do đó thông tin trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính****Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh****Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập khi các khoản đầu tư này có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính riêng. Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	5

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước gồm khoản sửa chữa tài sản, giải phóng mặt bằng và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biếu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 53. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày này theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các Khoản Mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các Khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài Khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các Khoản Mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời Điểm lập Báo cáo tài chính;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhưng không được dùng để chia cho các cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Thuế** (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp số dư. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
	Tiền mặt	263.126.350	146.833.277
	Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.171.703.240	7.113.764.915
	<b>Cộng</b>	<b>7.434.829.590</b>	<b>7.260.598.192</b>
2.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
	<b>Khách hàng là bên liên quan</b>		
	Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang	6.237.607.074	2.256.949.440
	Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	-	72.238.000
	<b>Khách hàng khác</b>		
	Phòng Kinh tế Hạ Tầng - huyện Thoại Sơn	8.644.284.636	-
	Công ty Cổ phần Xây dựng An Đại Lộc	7.419.066.300	-
	Ban Quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng huyện Thoại Sơn	5.353.952.000	-
	Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Thủy Lợi	2.009.145.000	20.062.317.000
	Công ty Cổ phần Xây dựng Đê kè và Phát triển Nông thôn Hải Dương	1.950.436.000	15.727.163.000
	Công ty TNHH MTV Xây dựng Phan Vinh	-	2.952.000.000
	Các khoản phải thu khách hàng khác	31.092.464.208	25.673.760.771
	<b>Cộng</b>	<b>62.706.955.218</b>	<b>66.744.428.211</b>
3.	Trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
	<b>Người bán là bên liên quan</b>		
	Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	-	500.376.024
	<b>Người bán khác</b>		
	Công ty TNHH NN MTV Diesel Sông Công	130.000.000	130.000.000
	Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh	70.000.000	70.000.000
	Các khoản trả trước cho người bán khác	144.500.000	254.733.900
	<b>Cộng</b>	<b>344.500.000</b>	<b>955.109.924</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**4. Phải thu về cho vay**

Các khoản phải thu về cho vay cuối kỳ là các khoản cho các Công ty con vay, chi tiết như sau:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang	300.000.000	800.000.000
<b>a. Dài hạn</b>		
Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	2.000.000.000	2.000.000.000

**5. Phải thu khác**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu lợi nhuận từ công ty liên doanh	21.264.120.697	27.306.939.323
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	600.667.000	78.172.008
Phải thu về cổ phần hóa	298.339.936	298.339.936
Tạm ứng cho nhân viên	74.000.000	147.318.111
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	48.866.167	250.387.960
Phải thu ngắn hạn khác	8.450.000	8.450.000
<b>Cộng</b>	<b>22.294.443.800</b>	<b>28.089.607.338</b>
<i>Trong đó, phải thu khác với các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	21.307.620.197	27.540.438.394
Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang	5.366.667	16.888.889
<b>Cộng</b>	<b>21.312.986.864</b>	<b>27.557.327.283</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**6. Nợ xấu**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.197.798.977	111.012.368	(2.086.786.609)	884.009.542
				(1.955.059.435)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.219.115.621	-	4.991.719.613	-
Công cụ, dụng cụ	11.618.000	-	8.758.435	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.484.694.538	-	15.692.879.520	-
Thành phẩm	4.295.403.900	(1.332.509.627)	2.678.455.468	(964.074.571)
Hàng hóa	2.929.842.571	-	2.829.522.366	-
<b>Cộng</b>	<b>16.940.674.630</b>	<b>(1.332.509.627)</b>	<b>26.201.335.402</b>	<b>(964.074.571)</b>

**8. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	50.177.808	50.177.808
<b>b. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	861.916.753	1.207.216.626	1.455.978.057	613.155.322
Thuế thu nhập doanh nghiệp	207.253.243	579.993.368	207.253.243	579.993.368
Thuế thu nhập cá nhân	10.444.500	615.155.098	625.599.598	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.804.096.816	1.804.096.816	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.079.614.496</b>	<b>4.209.461.908</b>	<b>4.095.927.714</b>	<b>1.193.148.690</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2019	13.233.388.486	17.062.251.573	4.059.756.014	161.776.364	34.517.172.437
Mua trong năm	-	151.236.476	-	31.500.000	182.736.476
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>13.233.388.486</b>	<b>17.213.488.049</b>	<b>4.059.756.014</b>	<b>193.276.364</b>	<b>34.699.908.913</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2019	7.323.873.352	6.668.138.511	3.341.878.121	138.731.589	17.472.621.573
Khấu hao trong năm	449.401.314	1.267.640.178	291.535.544	6.670.272	2.015.247.308
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>7.773.274.666</b>	<b>7.935.778.689</b>	<b>3.633.413.665</b>	<b>145.401.861</b>	<b>19.487.868.881</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2019	5.909.515.134	10.394.113.062	717.877.893	23.044.775	17.044.550.864
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>5.460.113.820</b>	<b>9.277.709.360</b>	<b>426.342.349</b>	<b>47.874.503</b>	<b>15.212.040.032</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 6.218.605.157 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 là 5.105.607.529 VND).

Như đã trình bày tại thuyết minh V.19, Công ty đã sử dụng nhà xưởng, máy móc thiết bị để thế chấp cho các khoản vay và nợ. Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đem đi thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 lần lượt là 8.867.891.105 đồng và 2.931.545.138 đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 lần lượt là 8.867.891.105 đồng và 3.224.508.194 đồng).

Tài sản cố định hữu hình của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết, không sử dụng và đang chờ thanh lý với nguyên giá là 143.622.000 VND.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**10. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm kế toán VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2019	65.000.000
Giảm trong năm	-
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>65.000.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2019	65.000.000
Giảm trong năm	-
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>65.000.000</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 01/01/2019	-
Tại ngày 31/12/2019	-

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Dự án xây dựng trạm bảo hành, bảo dưỡng và sửa chữa xe ô tô (i)	29.068.369.780	2.512.217.127
Khu dân cư Cơ khí An Giang	520.600.000	520.600.000
Công trình khác	-	421.886.737
<b>Cộng</b>	<b>29.588.969.780</b>	<b>3.454.703.864</b>

(i) Đây là Dự án được thực hiện theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty với Công ty TNHH Toyota Cần Thơ (Toyota Cần Thơ) để xây dựng cửa hàng trưng bày, giới thiệu các loại xe ô tô, cung cấp các dịch vụ bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa và cung cấp các phụ tùng, phụ kiện thay thế cho các loại xe ô tô. Công ty góp bằng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất với giá trị 2.500.000.000 đồng. Toyota Cần Thơ góp vốn bằng tiền mặt với giá trị 45.000.000.000 đồng để chi trả các chi phí xây dựng. Công ty chịu trách nhiệm kế toán cho hoạt động hợp tác kinh doanh này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**12. Đầu tư tài chính****a. Đầu tư vào công ty con**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang	10.000.000.000	-	(i)	10.000.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	4.584.859.059	(748.430.016)	(i)	4.584.859.059
<b>Cộng</b>	<b>14.584.859.059</b>	<b>(748.430.016)</b>		<b>14.584.859.059</b>

**b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	7.956.213.357	-	(i)	7.956.213.357

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**13. Chi phí trả trước**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí giải phóng mặt bằng, thuê đất chờ phân bổ (i)	2.291.666.667	2.774.195.112
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	715.157.994	858.796.373
Chi phí sửa chữa tài sản	205.151.993	-
<b>Cộng</b>	<b>3.211.976.654</b>	<b>3.632.991.485</b>

(i) Đây là chi phí giải phóng mặt bằng, tiền thuê đất để thực hiện xây dựng cửa hàng trưng bày, giới thiệu các loại xe ô tô và cung cấp các dịch vụ bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa và cung cấp các phụ tùng, phụ kiện thay thế cho các loại xe ô tô.

**14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Các khoản dự phòng
	VND
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>	-
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(454.589.602)
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>	<b>454.589.602</b>
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(196.775.482)
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>651.365.084</b>
<b>Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất</b>	<b>(196.775.482)</b>

**15. Phải trả cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Người bán là bên liên quan</b>				
Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang	8.394.525.002	8.394.525.002	7.670.262.262	7.670.262.262
Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	14.944.000	14.944.000	3.500.787.000	3.500.787.000
<b>Người bán khác</b>				
Công ty TNHH MTV Đặng Toàn Thắng	910.000.000	910.000.000	-	-
Công ty TNHH VinaSteel	70.412.500	70.412.500	1.870.412.500	1.870.412.500
Phải trả nhà cung cấp khác	1.680.523.990	1.680.523.990	4.161.498.445	4.161.498.445
<b>Cộng</b>	<b>11.070.405.492</b>	<b>11.070.405.492</b>	<b>17.202.960.207</b>	<b>17.202.960.207</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Người mua là bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	210.000.000	-
<b>Người mua khác</b>		
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ (i)	31.890.007.200	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Thủy lợi Hưng Yên	550.000.000	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Sông Hậu	381.000.000	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng huyện Thoại Sơn	-	7.476.782.000
Phòng Kinh tế Hạ Tầng - huyện Thoại Sơn	-	2.451.962.364
Các khách hàng khác	1.066.120.400	786.871.967
<b>Cộng</b>	<b>34.097.127.600</b>	<b>10.715.616.331</b>
(i) Đây là khoản trả tiền trước của Công ty TNHH Toyota Cần Thơ để thực hiện chuyển nhượng tài sản trong tương lai.		
 17. Chi phí phải trả ngắn hạn		
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí sản xuất, thi công công trình	8.736.350.850	9.783.603.451
Chi phí lãi vay	1.100.000.000	1.100.000.000
Chi phí phải trả khác	49.500.000	128.025.000
<b>Cộng</b>	<b>9.885.850.850</b>	<b>11.011.628.451</b>
<i>Trong đó, chi phí phải trả với các bên liên quan</i>		
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	1.100.000.000	1.100.000.000
 18. Phải trả ngắn hạn khác		
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Phải trả về cổ phần hoá	7.134.811.183	7.634.811.183
Lãi liên doanh trước cổ phần hóa phải trả về Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	406.081.488	406.081.488
Phải trả ngắn hạn khác	54.000.000	264.577.000
<b>Cộng</b>	<b>7.594.892.671</b>	<b>8.305.469.671</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	90.000.000	-
Nhận vốn hợp tác kinh doanh	-	2.513.921.400
<b>Cộng</b>	<b>90.000.000</b>	<b>2.513.921.400</b>
<i>Trong đó, phải trả khác với các bên liên quan</i>		
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	406.081.488	406.081.488
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Long Xuyên	54.000.000	54.000.000
<b>Cộng</b>	<b>460.081.488</b>	<b>460.081.488</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**19. Vay và nợ thuế tài chính****a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

	31/12/2019		Phát sinh trong năm		01/01/2019	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	20.454.292.828	20.454.292.828	50.933.672.570	66.492.495.632	36.013.115.890	36.013.115.890
<b>Cộng</b>	<b>20.454.292.828</b>	<b>20.454.292.828</b>	<b>50.933.672.570</b>	<b>66.492.495.632</b>	<b>36.013.115.890</b>	<b>36.013.115.890</b>
Cộng: Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	8.497.857.049	8.497.857.049			12.000.000.000	12.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>28.952.149.877</b>	<b>28.952.149.877</b>			<b>48.013.115.890</b>	<b>48.013.115.890</b>

**b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn**

	31/12/2019		Phát sinh trong năm		01/01/2019	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	8.497.857.049	8.497.857.049	-	3.502.142.951	12.000.000.000	12.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.497.857.049</b>	<b>8.497.857.049</b>	<b>-</b>	<b>3.502.142.951</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng tới	(8.497.857.049)	(8.497.857.049)			(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**19. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay**

<b>Bên cho vay</b>	<b>Số dư</b>	<b>Thời hạn vay</b>	<b>Ngày đáo hạn</b>	<b>Lãi suất vay</b>	<b>Mục đích vay</b>	<b>Tài sản đảm bảo</b>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	20.454.292.828	6 tháng	31/05/2020	Theo từng giấy nhận nợ, lãi suất trong năm là 7%	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Tài sản trên đất và máy móc thiết bị đang được sử dụng tại địa chỉ số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	8.497.857.049	1 năm	Đã đến hạn thanh toán	5,00%	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Không có tài sản thế chấp



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**20. Vốn chủ sở hữu****a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 1/1/2018</b>	<b>32.864.040.000</b>	<b>10.441.177.689</b>	<b>2.491.162.614</b>	<b>21.865.933.958</b>	<b>67.662.314.261</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	17.084.779.469	17.084.779.469
Chia cổ tức	-	-	-	(8.216.010.000)	(8.216.010.000)
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	2.562.716.920	854.238.973	(3.416.955.893)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.862.716.920)	(2.862.716.920)
<b>Tại ngày 1/1/2019</b>	<b>32.864.040.000</b>	<b>13.003.894.609</b>	<b>3.345.401.587</b>	<b>24.455.030.614</b>	<b>73.668.366.810</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	17.510.214.927	17.510.214.927
Chia cổ tức	-	-	-	(6.572.808.000)	(6.572.808.000)
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (i)	-	2.340.936.965	-	(2.340.936.965)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(2.640.936.965)	(2.640.936.965)
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>32.864.040.000</b>	<b>15.344.831.574</b>	<b>3.345.401.587</b>	<b>30.410.563.611</b>	<b>81.964.836.772</b>

(i) Trong năm, Công ty đã tạm trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019. Số liệu cuối cùng về việc trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu và quỹ khen thưởng, phúc lợi sẽ được Công ty ghi nhận căn cứ vào quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trong cuộc họp thường niên sắp tới.

**b. Chi tiết vốn góp chủ sở hữu**

	31/12/2019	01/01/2019
	Tỷ lệ	Tỷ lệ
	Giá trị VND	Giá trị VND
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTPC	47,41%	47,41%
Vốn góp của cổ đông khác	52,59%	52,59%
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>
	15.580.720.000	15.580.720.000
	17.283.320.000	17.283.320.000
	<b>32.864.040.000</b>	<b>32.864.040.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**20. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**c. Cổ phiếu**

	31/12/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.286.404	3.286.404
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	3.286.404	3.286.404
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.286.404	3.286.404
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.286.404	3.286.404
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.286.404	3.286.404
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/Cổ phiếu		

**d. Cổ tức**

Trong năm, Công ty thực hiện việc chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 23 tháng 4 năm 2019 với tỷ lệ 20% trên mệnh giá, tương đương với số tiền là 6.572.808.000 đồng. Cổ tức của năm 2019 sẽ được Công ty ghi nhận căn cứ vào quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trong cuộc họp thường niên sắp tới.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2019	2018
	VND	VND
Doanh thu xây dựng các loại cầu	83.546.851.240	119.116.807.913
Doanh thu bán thành phẩm	19.973.553.065	45.504.361.616
Doanh thu bán hàng hóa	3.025.460.542	4.127.248.542
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.549.709.093	557.727.271
<b>Cộng</b>	<b>109.095.573.940</b>	<b>169.306.145.342</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	22.500.000	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>109.073.073.940</b>	<b>169.306.145.342</b>
<i>Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang	4.737.784.554	3.067.455.172
Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	435.364.546	21.528.182
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	-	118.534.546
<b>Cộng</b>	<b>5.173.149.100</b>	<b>3.207.517.900</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**2. Giá vốn hàng bán**

	2019 VND	2018 VND
Giá vốn của hoạt động xây dựng cầu	68.156.512.658	108.276.937.652
Giá vốn bán thành phẩm	16.582.222.451	37.948.647.420
Giá vốn bán hàng hóa	2.760.561.445	3.734.749.313
Giá vốn cung cấp dịch vụ	925.270.735	-
<b>Cộng</b>	<b>88.424.567.289</b>	<b>149.960.334.385</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận từ liên doanh Antraco (i)	16.264.120.697	19.282.109.323
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	807.448.592	510.547.752
Lợi nhuận được chia	18.942.425	93.522.758
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	7.423.776	32.948.961
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	5.900.089
<b>Cộng</b>	<b>17.097.935.490</b>	<b>19.925.028.883</b>

**Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan**

Công ty TNHH Liên doanh Antraco	696.446.028	14.687.094.425
Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	70.972.222	105.249.161
Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang	55.478.536	182.128.314
<b>Cộng</b>	<b>822.896.786</b>	<b>14.974.471.900</b>

(i) Lợi nhuận được chia từ Antraco trong năm gồm:

- Lợi nhuận bổ sung năm trước; và	-	4.879.075.825
- Lợi nhuận tạm ước tính của năm nay	16.264.120.697	14.403.033.498
<b>Cộng</b>	<b>16.264.120.697</b>	<b>19.282.109.323</b>

**4. Chi phí tài chính**

	2019 VND	2018 VND
Chi phí lãi vay	2.106.597.466	1.927.852.757
Dự phòng đầu tư vào công ty con	748.430.016	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.250.520	5.465.066
<b>Cộng</b>	<b>2.859.278.002</b>	<b>1.933.317.823</b>

**Trong đó, chi phí tài chính phát sinh từ giao dịch với bên liên quan**

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	552.534.245	629.132.421
--	-------------	-------------



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**5. Chi phí bán hàng**

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí hoa hồng bán hàng	987.109.000	3.531.350.640
Chi phí vật liệu bao bì	22.895.000	17.703.729
Chi phí vận chuyển, thủ tải	920.318.604	702.822.781
Chi phí bảo hành	47.560.575	92.984.807
Chi phí bằng tiền khác	57.963.118	50.009.957
<b>Cộng</b>	<b><u>2.035.846.297</u></b>	<b><u>4.394.871.914</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.628.849.592	9.035.453.116
Chi phí đồ dùng văn phòng	88.001.104	69.782.444
Chi phí khấu hao TSCĐ	664.125.266	471.709.026
Thuế, phí và lệ phí	1.226.449.780	1.364.176.314
Chi phí dự phòng	131.727.174	1.792.588.617
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.038.470.875	1.684.148.902
Chi phí bằng tiền khác	1.317.103.924	1.910.953.011
<b>Cộng</b>	<b><u>15.094.727.715</u></b>	<b><u>16.328.811.430</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	2019	2018
	VND	VND
Thu hỗ trợ thực hiện đề án khuyến nông quốc gia	195.000.000	-
Thu hồi nợ đã xóa sổ	-	225.372.000
Thu nhập khác	34.323.987	9.470.410
<b>Cộng</b>	<b><u>229.323.987</u></b>	<b><u>234.842.410</u></b>

**8. Chi phí khác**

	2019	2018
	VND	VND
Các khoản phạt vi phạm hành chính và phạt thuế	71.435.743	-
Chi phí khác	21.045.558	11.237.973
<b>Cộng</b>	<b><u>92.481.301</u></b>	<b><u>11.237.973</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	2019 VND	2018 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>17.893.432.813</b>	<b>16.837.443.110</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Thu nhập không chịu thuế	(16.283.063.122)	(19.375.632.081)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.289.597.150	3.574.455.184
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>2.899.966.841</b>	<b>1.036.266.213</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	579.993.368	207.253.243
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>579.993.368</b>	<b>207.253.243</b>

**10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	63.745.594.259	126.229.373.912
Chi phí nhân công	16.829.915.147	20.521.121.890
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.015.247.308	1.675.533.642
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.144.688.036	9.270.616.385
Chi phí khác bằng tiền	2.356.586.789	11.194.783.283
<b>Cộng</b>	<b>92.092.031.539</b>	<b>168.891.429.112</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Cam kết thuê hoạt động**

	2019 VND	2018 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.804.096.816	1.852.275.530

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Trong vòng một năm	1.990.789.752	1.990.789.752
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	7.963.159.008	7.963.159.008
Sau năm năm	13.849.967.847	15.840.757.417
<b>Cộng</b>	<b>23.803.916.607</b>	<b>25.794.706.177</b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 8.052 m<sup>2</sup> đất tại phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 5 tháng 1 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 3.776,6 m<sup>2</sup> đất tại phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 21 tháng 5 năm 2008.
- Tổng số tiền thuê 18.577,4 m<sup>2</sup> đất tại phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 5 tháng 1 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 89,8 m<sup>2</sup> đất tại phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 11 tháng 4 năm 2008.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan:**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	Cổ đông
Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang	Công ty con
Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	Công ty con
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	Công ty liên doanh

Ngoài các giao dịch đã được trình bày ở các thuyết minh trên, trong năm, Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	2019 VND	2018 VND
<b>Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên</b>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	668.003.729	14.558.107.600
Trả tiền mua hàng	4.084.518.100	14.879.907.552
Thu tiền bán hàng	478.901.000	23.681.000
Mua tài sản cố định	-	2.500.000.000

**Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang**

Mua hàng hóa, dịch vụ	11.870.667.480	17.514.557.759
Trả tiền mua hàng	12.333.471.488	16.886.268.954
Thu tiền bán hàng	1.230.905.377	1.360.463.756

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc được hưởng trong năm**

	2019 VND	2018 VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	2.387.453.782	2.057.501.740



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**3. Các khoản nợ tiềm tàng**

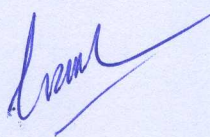
Theo công văn số 07/KV IX-TH ngày 1 tháng 3 năm 2019 của Kiểm toán Nhà nước khu vực IX về việc gửi dự thảo báo cáo kiểm toán liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất sai mục đích trong và sau quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, giai đoạn 2011-2017 của tỉnh An Giang thì Công ty vi phạm một số điều trong lĩnh vực đất đai. Việc vi phạm phát sinh từ việc hợp tác kinh doanh một phần đất và tài sản trên đất tại địa chỉ số 839 Trần Hưng Đạo, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên và 103 Nguyễn Huệ B, thành phố Long Xuyên chưa đúng quy định. Hiện tại, Công ty đang trong quá trình giải trình với Sở Tài Chính, Sở Tài nguyên Môi trường và UBND Tỉnh An Giang về cơ sở tính số tiền truy thu trị giá 483 triệu và chưa có quyết định chính thức về việc này. Ban Giám Đốc Công ty cam kết sẽ trình Đại Hội Cổ Đông trong cuộc họp sắp tới về việc sử dụng nguồn lợi nhuận chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán để bù trừ cho khoản tổn thất (nếu có) trong tương lai để không bị ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

**4. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

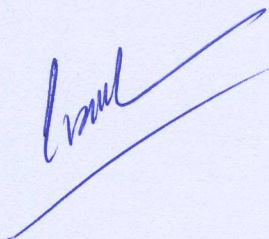
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

**5. Số liệu so sánh**


Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm.



Phan Thị Tuyết Vân  
Người lập biểu  
Ngày 27 tháng 3 năm 2020



Phan Thị Tuyết Vân  
Trưởng phòng TCKT



Nguyễn Chí Thành  
Giám đốc





Văn phòng **CÔNG TY**

Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex  
1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung  
Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

☎ (024) 6664 2777

☎ (024) 6664 3777

✉ contact@icpa.vn

Chi nhánh **SÀI GÒN**

Tầng 5, Tòa nhà Hải Âu TIC  
39B Trường Sơn, Phường 4  
Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

☎ (028) 7303 2007

☎ (028) 3547 2579

✉ saigon@icpa.vn

Chi nhánh **MIỀN TRUNG**

Tầng 9, Tòa nhà Viettel  
Đại lộ Lê Lợi, Phường Đông Hương  
TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

☎ (0237) 375 8959

☎ (0237) 375 8959

✉ mientrung@icpa.vn

Chi nhánh **NGHỆ AN**

Tầng 18, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An  
7 Quang Trung, Phường Quang Trung  
TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An

☎ (0225) 379 7268

☎ (0225) 379 7269

✉ nghean@icpa.vn

**HEAD** Office

15<sup>th</sup> Floor, Center Building - Hapulico Complex  
1 Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan Trung Ward  
Thanh Xuan District, Ha Noi

☎ (+84 24) 6664 2777

☎ (+84 24) 6664 3777

✉ contact@icpa.vn

**SAI GON** Branch

5<sup>th</sup> Floor, Hai Au TIC Building  
39B Truong Son, Ward 4  
Tan Binh District, Ho Chi Minh City

☎ (+84 28) 7303 2007

☎ (+84 28) 3547 2579

✉ saigon@icpa.vn

**CENTRAL** Branch

9<sup>th</sup> Floor, Viettel Building  
Le Loi Boulevard, Dong Huong Ward  
Thanh Hoa City, Thanh Hoa Province

☎ (+84 237) 375 8959

☎ (+84 237) 375 8959

✉ mientrung@icpa.vn

**NGHE AN** Branch

18<sup>th</sup> Floor, Petrol Nghe An Building  
7 Quang Trung, Quang Trung Ward  
Vinh City, Nghe An Province

☎ (+84 225) 379 7268

☎ (+84 225) 379 7269

✉ nghean@icpa.vn

icpa.vn